TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 71/2020/QĐST-VHNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 18 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 125/2020/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới được hai bên gia đình đồng ý và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành (nay là phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 quyển 01 ngày 14 tháng 4 năm 2010

Quá trình sống chung, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi gây nợ nần. Mặc dù bà H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ôngT không thay đổi, do vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Mặc dù sống chung trong một nhà nhưng việc ai nấy làm, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà H và ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà bà H, ông T được thuận tình ly hôn.

Qua bản ý kiến và trình bày của các đương sự tại buổi hòa giải đoàn tụ ngày 10 tháng 3 năm 2020, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Hoài P, sinh ngày 08/3/2010. Sau khi ly hôn, theo nguyện vọng của con, ông T bà H thỏa thuận giao con chung cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời hạn bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2020 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nợ chung**:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 quyển số 01 ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành (nay là phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực).

*Về con chung***:** Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H có 01 con chung tên Trần Nguyễn Hoài Phương, sinh ngày 08/3/2010. Khi ly hôn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận, theo nguyện vọng của con; giao con chung Trần Nguyễn Hoài P, sinh ngày 08/3/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành(đủ 18 tuổi). Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời hạn bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2020 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung***:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0004430 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, ông T, bà H đã nộp xong lệ phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- NĐKKH: UBND phường Phú Mỹ**;**
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Văn Thị Hiền